**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1.Thơ và thơ lục bát | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Hồi kí |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Truyện đồng thoại, truyện ngắn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viêt văn tả cảnh sinh hoạt. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ và thơ lục bát | **Nhận biết:**- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.**-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.- Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. **Thông hiểu**: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.- Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.**Vận dụng:**- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Truyện ngắn, truyện đồng thoại | **Nhận biết:** **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề của văn bản.- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.- Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng**:- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. |
|  |  | Hồi kí | Nhận biết:- Chỉ ra được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, dựng chân dung con người trong kí.- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất trong kí.- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.Thông hiểu:- Nêu được chủ đề của văn bản.- Phân tích được tác dụng của giọng kể, ngôi kể, cách ghi chép về con người, sự việc.- Phân tích, lí giải được vai trò của cái người kể chuyện, người quan sát ghi chép trong hồi kí hoặc du kí.- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.Vận dụng:Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết văn tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:****Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là miêu tả; tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin chính về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TIÊN LÃNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

 **TRƯỜNG THCS ĐÔNG HƯNG MÔN NGỮ VĂN 6**

 **NĂM HỌC 2022-2023**

 (Thời gian làm bài 90 phút)

====================================================================

 ĐỀ BÀI

I. PHẦN I : ĐỌC HIỂU (6,0 ĐIIỂM)

**Mẹ**

*Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

 *(Trần Quốc Minh)*

***Câu 1\*. Xác định thể thơ của văn bản trên?***

A. Thơ tự do

B. Thơ lục bát

C. Thơ tám tiếng

D. Thơ sáu tiếng

***Câu 2\*. Văn bản trên là lời của ai?***

A. Mẹ.

B. Con.

C. Tác giả.

D. Lời của em bé

***Câu 3\*. Điền tiếp ít nhất hai từ đồng âm với từ*** *“ thu”* ***trong câu*** *“ Lời ru có gió mùa thu”:*

- thu hoạch, .............................................................................................................

***Câu 4. Tác dụng của biện pháp nghệ thuật so sánh trong câu:***

“*Những ngôi sao thức ngoài kia*

*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con”*

A. Gợi lên công lao và sự hi sinh thầm lặng của mẹ một cách chân thực, sinh động.

B. Làm cụ thể hơn tấm lòng của người mẹ đối với con.

C. Làm cho lời thơ giàu nhạc điệu.

D. Thể hiện sự trân trọng của con với mẹ.

***Câu 5. Văn bản trên thể hiện tình cảm gì của người mẹ dành cho con?***

A. Yêu thương

B. Quan tâm, lo lắng

C. Dành những điều tốt đẹp cho con.

D. Cả ba phương án trên.

***Câu 6. Em hiểu: “giấc tròn” có nghĩa là gì?***

A. Giấc ngủ trọn vẹn

B. Giấc ngon của trẻ thơ

C. Cả A, B đều đúng

D. Cả A, B đều sai

***Câu 7: Chủ đề của bài thơ?***

A. Tình yêu thương bao la vô bờ bến của người mẹ.

B. Lòng kính trọng, biết ơn của người con.

C. Sự hi sinh thầm lặng lớn lao của người mẹ dành cho con.

D. Tình yêu thương, sự hi sinh thầm lặng của mẹ, lòng kính trọng, biết ơn của người con đối với mẹ.

***Câu 8: Em hiểu gì về hình ảnh thơ “****Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.”****?***

A. Mẹ là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của mỗi người con.

B. Mẹ mang đến bình yên cho con.

C. Mẹ làm tất cả vì con dù có khó khăn đến mấy .

D. Cả A,B,C đều đúng.

***Câu 9. Em đã thể hiện tình cảm của mình với mẹ bằng những hành động việc làm nào?***

***Câu 10. Nêu những bài học sâu sắc mà em rút ra được cho bản thân từ bài thơ trên?***

PHẦN II. VIẾT (4.0đ)

 ***Hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân***

**----------------------------------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | *- thu góp, thu chi, thu hoạch, thu hút.......* | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh kể được một số những hành động, việc làm thể hiện tình yêu của mình với mẹ. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.- Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Kể về một trải nghiệm | 0,25 |
|  | *c. Kể về một trải nghiệm* HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.- Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân.- Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.- Cảm xúc sau khi trải nghiệm. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |